

Số: ~~1590~~ QĐ-UBND

Bình Định, ngày 08 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng
và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán**

**Công trình: Dự án làng Đăcxung (suối Cát), xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh
Địa điểm xây dựng: Xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 10/5/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 19/11/2015 của UBND tỉnh về phê duyệt dự án đầu tư; Quyết định số 4209/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh về phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình;

Xét đề nghị của UBND huyện Vĩnh Thạnh tại Tờ trình số 78/TTr-UBND ngày 04/5/2017, Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 04/5/2017, Sở Xây dựng tư tại Văn bản số 78/SXD-HTKTTĐ ngày 24/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh bổ sung dự án đầu tư xây dựng và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Công trình: Dự án làng Đăcxung (suối Cát), xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Dự án làng Đăcxung (suối Cát), xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh

2. Chủ đầu tư: UBND huyện Vĩnh Thạnh

Địa chỉ: Thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh; Điện thoại: 056 3886307

3. Đơn vị lập dự án đầu tư: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng SPQD

- Trụ sở: 65/3, Võ Mươi, Thành phố Quy Nhơn; Điện thoại: 056 3647444

- Giấy phép ĐKKD: 410228777 đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 19/5/2015

4. Chủ nhiệm lập dự án: Nguyễn Văn Sinh

5. Mục tiêu đầu tư:

- Khai thác quỹ đất đạt hiệu quả.

- Cải thiện điều kiện kinh tế - xã hội, ổn định và nâng cao đời sống của bà con dân tộc thiểu số Làng Đăkxung, xã Vĩnh Sơn; giữ vững an ninh chính trị - xã hội trên địa bàn và phát triển kinh tế địa phương theo hướng bền vững.

- Định canh, định cư tại chỗ cho 78 hộ dân; chuyển 50 hộ dân cư trú không ổn định ở làng K8 cũ đến định canh, định cư Làng Đăkxung.

- Hoàn thiện đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, làm cơ sở định hướng cho việc xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng của khu quy hoạch và vùng lân cận.

- Dự án mong muốn đem đến một môi trường sống văn minh hiện đại, nơi ở, nghỉ ngơi lý tưởng cho người dân trong khu vực, tạo ra nhiều việc làm và cơ hội phát triển kinh tế cho người dân đồng thời mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực cho địa phương.

- Làm cơ sở cho việc quản lý xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các bước tiếp theo của dự án

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng gồm các hạng mục sau:

6.1. Các hạng mục đầu tư theo dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 19/11/2015 của UBND tỉnh Bình Định.

6.2. Nội dung phê duyệt điều chỉnh, bổ sung:

6.2.1 Điều chỉnh, bổ sung các công việc cho phù hợp ở giai đoạn 1

a) Phân san nền

- Hạ cao trình đào tại lô D, lô E cao hơn mặt đường ĐT.637 là 30cm. Thay đổi mái đào cơ 1 từ mái 0.5 thành mái 0.75.

- Bỏ không đào khu F chỉ san lấp khu vực trước lô F.

- Bổ sung 3 vị trí xây dựng bậc cấp bằng bê tông cốt thép ở khu B xuống làng hiện tại.

- Bổ sung phá đá bằng thủ công tại vị trí khu D.

b) Phân đường giao thông nội bộ

Bổ sung đổ bê tông xi măng mặt đường nội bộ đoạn nối từ cọc 0 đến cầu bản, chiều dài 36m (quy mô theo thiết kế đã duyệt). Bỏ không thi công đường gom số 3, số 4.

c) Hệ thống thoát nước mặt

- Thay đổi đoạn rãnh thoát nước dọc ĐT.637 (từ cọc D3 - cọc 9) từ hình thức rãnh bê tông cốt thép, kích thước (2 x 2)m sang hình thức cống bê tông ly tâm, D1000 để lắp đặt cho phù hợp thoát nước và an toàn trong sử dụng vì vị trí xây dựng có độ dốc dọc khá lớn.

- Bổ sung rãnh thoát nước dọc bằng bê tông cốt thép kích thước (45x45)cm có dáy tấm đan chịu lực theo ý kiến thống nhất của Sở Giao thông - Vận tải Bình Định từ lô E đến cầu bản dọc đường ĐT.637, dài 100m.

- Bổ sung đoạn rãnh thoát nước dọc bê tông cốt thép, kích thước (1,2 x 1,2)m từ cọc H0 đến giáp bờ kè chiều dài L=35m.

- Bổ sung 04 cầu bản trên truyền rãnh tại các vị trí: Qua cổng trường học, đường vào đầu làng, đường vào khu sản xuất, cống vào khu vực xây dựng Nhà văn hóa nhằm đảm bảo tiết diện thoát nước ở phía hạ lưu và an toàn cho xe qua lại.

- Bổ sung lưới chắn rác đầu rãnh thoát nước.

d. Gia cố mái ta luy của bờ kè

- Thay đổi kết cấu rãnh thoát nước ở đoạn đầu sang cống hộp bê tông cốt thép kết cấu thép 2 lớp chịu lực đoạn dài 21,0m để đảm bảo chịu đất đắp bờ kè.

- Tăng kích thước chân kè từ (0,3 x 0,4)m sang kích thước (0,4 x 0,8)m.

- Bổ sung giằng dọc kè và đỉnh kè bằng bê tông cốt thép.

- Lắp thêm 01 lớp rọ đá dưới chân kè phía bên hữu ở phía thượng lưu cống lấy nước để đảm bảo giữ ổn định chân kè.

- Trồng cỏ phía sau mái kè để giảm sạt lở thân kè.

6.2.2. Các hạng mục còn lại của dự án đầu tư xây dựng

Sau khi các hạng mục ở giai đoạn 01 xây dựng hoàn thành đã đảm bảo đất ở cho nhân dân xây dựng nhà. Để phát huy hiệu quả của dự án, đảm bảo đủ điều kiện về cơ sở hạ tầng phục vụ cho cuộc sống của nhân dân trong làng trong thời gian tới. Dự án cần phải triển khai xây dựng các hạng mục còn lại như sau:

a) Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt.

b) Xây dựng đường dây điện 0,4 kV trong làng để đảm bảo cấp điện cho nhân dân.

c) Xây dựng Nhà văn hóa.

d) Xây dựng Trường mẫu giáo.

đ) Xây dựng Nhà công vụ giáo viên.

7. Diện tích sử dụng đất: 7,5ha.

8. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):

- Các tiêu chuẩn thiết kế áp dụng: Theo Tiêu chuẩn xây dựng hiện hành

- Tiêu chuẩn cấp công trình: Tiêu chuẩn kỹ thuật, cấp 4

9. Loại cấp công trình: Hạ tầng kỹ thuật, cấp 3.

10. Tổng mức đầu tư điều chỉnh, bổ sung:

10.1. Tổng dự toán điều chỉnh, bổ sung (giai đoạn 1):

TT	Khoản mục chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án đã duyệt (đồng)	Giá trị dự toán đã phê duyệt (đồng)	Giá trị điều chỉnh, bổ sung (đồng)	Tăng, giảm
1	2	3	4	5	6=5-4
	Tổng cộng	22.947.729.000	12.042.755.000	15.662.761.000	4.181.621.000
	Trong đó:				-
1	Chi phí xây lắp	19.009.147.000	10.421.633.000	14.571.493.000	4.149.860.000
2	Đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng	248.838.000	248.838.000	-	- 248.838.000
3	Chi phí quản lý dự án	324.405.000	177.852.000	248.673.000	70.821.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư	1.448.627.000	463.608.000	562.083.000	98.475.000
5	Chi phí khác	205.718.000	169.209.000	280.512.000	111.303.000
6	Dự phòng chi	1.710.994.000	561.615.000	-	

10.2. Giá trị các hạng mục còn lại của dự án chưa thực hiện

TT	Hạng mục	Công thức tính	Giá trị của dự
----	----------	----------------	----------------

		theo dự án đã duyet	án đã duyệt (đồng)
I	Chi phí xây lắp sau thuế		6.145.247.503
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt		1.676.854.781
2	Hệ thống cấp điện		1.165.972.460
3	Nhà văn hóa		1.293.852.911
4	Nhà mẫu giáo		599.578.860
5	Nhà công vụ		800.000.000
	Tổng cộng xây lắp trước thuế	G	5.536.259.012
	Chi phí lán trại	G*1%	55.362.590
	Thuế giá trị gia tăng	G*10%	553.625.901
II	Chi phí quản lý dự án (tính theo chi phí xây lắp trước thuế của các hạng mục còn lại chưa xây dựng)	G*1,896%	104.967.471
III	Chi phí tư vấn đầu tư		396.470.141
1	Chi phí lập thiết kế dự toán	$G*2,02\%*1,1$	123.015.675
2	Chi phí thẩm tra thiết kế	$G*0,144\%*1,1$	8.769.434
3	Chi phí thẩm tra dự toán	$G*0,139\%*1,1$	8.464.904
4	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT	$G*0,166\%*1,1$	10.109.209
5	Chi phí kiểm tra chất lượng vật liệu, và kiểm định chất lượng (phần điện)	Theo dự toán	32.230.071
6	Chi phí đánh giá tác động môi trường	Tạm tính	100.000.000
7	Chi phí giám sát thi công	$G*1,87\%*1,1$	113.880.848
IV	Chi phí khác		66.692.848
1	Chi phí thẩm định thiết kế BVTC	$G*0,04\%*1,1$	2.435.954
2	Chi phí thẩm định dự toán	$G*0,0393\%*1,1$	2.393.325
3	Lệ phí thẩm định hồ sơ mời thầu	Mức tối thiểu	2.000.000
4	Lệ phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	$G*0,05\%*1,1$	3.044.942
5	Lệ phí thẩm định hiệu quả dự án	$G*0,074\%*1,1$	4.506.515
6	Chi phí bảo hiểm công trình	$G*0,215\%*1,1$	13.093.253

7	Chi phí thẩm định phê duyệt quyết toán	$G \cdot 0,244\% \cdot 1,1$	14.859.319
8	Chi phí kiểm toán	$G \cdot 0,4\% \cdot 1,1$	24.359.540
	Chi phí dự phòng	(còn lại của tổng mức đầu tư)	571.590.037
	Tổng cộng		7.284.968.000

10.3. Giá trị tổng mức đầu tư điều chỉnh

Giá trị tổng mức đầu tư dự án đã phê duyệt	Giá trị tổng mức đầu tư điều chỉnh, bổ sung (đồng)		
	Tổng cộng	Giá trị dự toán điều chỉnh, bổ sung (giai đoạn 1)	Giá trị tổng mức đầu tư của các hạng mục còn lại
22.947.729.000	22.947.729.000	15.662.761.000	7.284.968.000

11. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách cấp: Ngân sách Trung ương, vốn hỗ trợ theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý

13. Thời gian thực hiện dự án: 2015 - 2018

14. Các nội dung khác: Không

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng công trình nêu tại Điều 1.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Thạnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *Trần Châu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K1.



Trần Châu